

**U.S RESPONSE TO NUCLEAR TESTS BY INDIA AND PAKISTAN IN 1998****Hoang Xuan Truong\* , Le Thi Thuy Tien***TNU - University of Education*

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>03/5/2024</b>	In modern international relations, the United States is the dominant superpower, and has been using that power to establish world hegemony. After the collapse of the Soviet Union, the United States always adjusted its policies and strategies, and South Asia was no exception to that adjustment. As a region with a key strategic position, nuclearization in South Asia with India's Pokhran-II tests and Pakistan's Chagai-II tests in mid-1998 became a major concern for the US. So, what policies did the US have in the nuclear race between India and Pakistan? Based on historical and logical methods, the article aimed to clarify the intention, nature and differences in the US policies to resolve the nuclear crisis in South Asia in 1998 - 1999. Research results shows that with India, the US had harsh reactions and measures, but with Pakistan, the US was ready to give a lot of advice, including promises of economic and military support. The research results are a concrete manifestation of the superpower's position in the dominant impact of the world political situation after the Cold War.
<b>Revised:</b>	<b>26/6/2024</b>	
<b>Published:</b>	<b>26/6/2024</b>	

**KEYWORDS**

India  
Nuclear  
America  
South Asia  
Pakistan

**PHẢN ỨNG CỦA MỸ ĐỐI VỚI CÁC VỤ THỬ NGHIỆM HẠT NHÂN CỦA ẤN ĐỘ VÀ PAKISTAN NĂM 1998****Hoàng Xuân Trường\* , Lê Thị Thủy Tiên***Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>03/5/2024</b>	Trong quan hệ quốc tế hiện đại, Mỹ là siêu cường có ưu thế vượt trội, đã và đang sử dụng sức mạnh đó để thiết lập vị thế bá chủ thế giới. Sau khi Liên Xô sụp đổ, Mỹ luôn điều chỉnh sách lược, chiến lược của mình và Nam Á không nằm ngoài sự điều chỉnh đó. Là khu vực có vị trí chiến lược trọng yếu nhưng việc hạt nhân hóa ở Nam Á với các vụ thử Pokhran-II của Ấn Độ và các vụ thử Chagai-II của Pakistan vào giữa năm 1998 đã trở thành mối bận tâm lớn của Mỹ. Vậy, nước Mỹ đã có những chính sách gì trong cuộc chạy đua hạt nhân giữa Ấn Độ và Pakistan? Dựa trên phương pháp lịch sử và phương pháp logic, bài viết sẽ làm rõ ý đồ, bản chất và những khác biệt trong chính sách của Mỹ để giải quyết cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Nam Á những năm 1998 – 1999. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Với Ấn Độ, Mỹ đã có những phản ứng và biện pháp gay gắt nhưng với Pakistan, Mỹ sẵn sàng đưa ra nhiều lời khuyên, trong đó có sự hứa hẹn về hỗ trợ kinh tế, quân sự. Kết quả nghiên cứu là biểu hiện cụ thể của vị thế siêu cường trong sự tác động mang tính chi phối của tình hình chính trị thế giới sau Chiến tranh Lạnh.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>26/6/2024</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>26/6/2024</b>	

**TỪ KHÓA**

Ấn Độ  
Hạt nhân  
Mỹ  
Nam Á  
Pakistan

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10268>\* Corresponding author. Email: [truonghx@tnue.edu.vn](mailto:truonghx@tnue.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Khu vực Nam Á bao gồm Afghanistan, Ấn Độ, Bangladesh, Bhutan, Maldives, Nepal, Pakistan và Sri Lanka. Trong cục diện quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tiểu lục địa Nam Á không có tầm quan trọng chiến lược nổi bật. Tuy phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Nam Á có tác động mạnh trên thế giới, nhưng những tranh chấp của thời kỳ Chiến tranh Lạnh khiến cho khu vực Nam Á luôn chìm trong xung đột giữa các quốc gia, nhất là mâu thuẫn Ấn Độ - Pakistan. Mâu thuẫn này không chỉ làm cho mối quan hệ song phương căng thẳng mà còn chi phối các mối quan hệ giữa các nước khu vực Nam Á.

Đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ngay sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, cục diện khu vực có sự thay đổi khi Mỹ, Nga cùng giảm dần quan tâm về lợi ích chiến lược với khu vực nhạy cảm này. Biểu hiện rõ nhất là Mỹ đã giảm viện trợ cho Pakistan và Nga đã hạn chế sự hiện diện với đồng minh truyền thống Ấn Độ. Sự thoái lui về ảnh hưởng của Mỹ và Nga ở Nam Á gián tiếp tạo ra khoảng trống quyền lực, kích thích chủ nghĩa dân tộc trong khu vực. Các quốc gia nỗ lực khẳng định tiếng nói của mình ở khu vực, do đó đã tạo nên cục diện căng thẳng, nghi ngờ lẫn nhau, trong đó cuộc chạy đua giữa Ấn Độ và Pakistan về sức mạnh hạt nhân là vấn đề cực kỳ phức tạp.

Ngày 11-5-1998, Ấn Độ cho thử 3 thiết bị hạt nhân tại Pokhran (Pokhran - II). Tiếp đó, ngày 13-5-1998, Ấn Độ cho thử tiếp hai thiết bị hạt nhân khác. Để đáp trả lại hành động của Ấn Độ, ngày 28/5/1998 Pakistan cho thử 5 thiết bị hạt nhân tại khu vực Ras Koh (tỉnh Balochistan), vụ thử thứ sáu diễn ra vào ngày 31/5/1998. Trong bối cảnh đó, với vai trò là một siêu cường thế giới lại là quốc gia theo đuổi mạnh mẽ chính sách không phổ biến vũ khí hạt nhân, Mỹ đã can dự vào cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Nam Á với ý đồ và hành động đáng chú ý.

Cho đến nay, đã có một số nghiên cứu về chủ đề này, dưới nhiều cách tiếp cận, phạm vi và mức độ đánh giá khác nhau. Những nghiên cứu này tập trung vào những vấn đề như: 1) Khủng hoảng hạt nhân tại Nam Á [1] - [9]; 2) Chính sách của Mỹ với vấn đề hạt nhân ở Nam Á [10], [11]; 3) Phản ứng của Mỹ về vấn đề hạt nhân của Ấn Độ [12] - [15]; 4) Quan điểm của Mỹ về chương trình hạt nhân của Pakistan [16], [17]. Tuy nhiên, chưa một công trình nào nghiên cứu toàn diện, sâu sắc, cụ thể về ý đồ, nội dung, sự khác biệt trong chính sách của Mỹ với cuộc khủng hoảng hạt nhân tại Nam Á (1998 – 1999). Do đó, bài viết này muốn cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về vấn đề trên.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa trên khung phân tích lý thuyết về quan hệ quốc tế, nhấn mạnh kênh tham chiếu đối với lý thuyết về Chủ nghĩa hiện thực, với luận điểm chủ quyền an ninh quốc gia là tối cao và lợi ích quốc gia là tối hậu. Trong bài viết, tác giả sử dụng phương pháp lịch đại nhằm phác họa rõ bối cảnh, những diễn biến trong phản ứng của Mỹ với cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Nam Á trong thời gian 1998 – 1999, đồng thời so sánh trong cách phản ứng của Mỹ với vụ thử hạt nhân của Ấn Độ với vụ thử hạt nhân của Pakistan. Phương pháp logic cũng được dùng để làm rõ ý đồ, nội hàm sâu sa của Mỹ khi can dự vào vấn đề hạt nhân tại khu vực Nam Á. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng cách tiếp cận phân tích chính sách, phân tích nội dung, phân tích diễn ngôn, phân tích các tuyên bố, văn bản nhằm làm rõ thêm ý đồ trong cách phản ứng của Mỹ.

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Phản ứng của Mỹ đối với vụ thử hạt nhân của Ấn Độ năm 1974 và năm 1998

Những nỗ lực của Ấn Độ để có được năng lực hạt nhân bắt đầu từ những năm 60, và cuộc thử hạt nhân đầu tiên của nước này vào năm 1974 (Pokhran-I) đã đi kèm với việc từ chối ký Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) và Hiệp ước Cấm thử hạt nhân toàn diện (CTBT). Hai mươi tư năm sau, ngày 11/5/1998, Ấn Độ lại thử 3 thiết bị tại sa mạc Pokhran (Pokhran - II).

Ấn Độ viện dẫn các yếu tố an ninh quốc gia, cụ thể là mối đe dọa tiềm ẩn từ Trung Quốc và Pakistan là lý do cho cuộc thử nghiệm: “*Những thử nghiệm này mang đến sự trấn an cho người*

dân Ấn Độ rằng lợi ích an ninh quốc gia của họ là tối cao và điều đó sẽ được thúc đẩy và bảo vệ.” [18]. Điều đó được thể hiện trong bức thư Thủ tướng Ấn Độ A.B.Vajpayee viết cho Tổng thống Mỹ B.Clinton sau vụ thử hạt nhân: “Chúng tôi có một quốc gia láng giềng sở hữu vũ khí hạt nhân, quốc gia đã tiến hành một cuộc chiến tranh chống lại Ấn Độ vào năm 1962. Mặc dù, quan hệ của chúng tôi với quốc gia đó đã được cải thiện trong thập kỷ trước, nhưng sự nghi kỵ vẫn còn do vấn đề biên giới chưa được giải quyết. Sự nghi kỵ còn gia tăng khi quốc gia đó đã và đang giúp nước láng giềng khác của chúng tôi công khai thành một nước sở hữu vũ khí hạt nhân. Với nước láng giềng này, chúng tôi đã phải chịu ba cuộc chiến tranh trong 50 năm qua. Và trong mười năm qua, chúng tôi đã là nạn nhân của khủng bố và hoạt động quân sự liên tục được bảo trợ bởi quốc gia này vào một số khu vực của đất nước chúng tôi, đặc biệt là Punjab và Jammu & Kashmir” [19]. Ấn Độ cũng cho rằng Mỹ đã bỏ qua việc gia tăng công nghệ quân sự của Trung Quốc. Chính các yếu tố trên khiến cho Ấn Độ cần phải chứng minh về năng lực vũ trang hạt nhân của mình.

Tuy nhiên, Mỹ cho rằng những lo ngại của Ấn Độ về mối đe dọa Trung Quốc đã bị phóng đại, bởi lẽ quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ ấm lên trong những năm gần đây. Vì thế, Mỹ là nước đầu tiên chỉ trích mạnh mẽ nhất sau khi Ấn Độ thử hạt nhân ngày 11/5/1998. Phát ngôn viên của Tổng thống B.Clinton, Mike McCurry, nói: “Mỹ rất thất vọng bởi quyết định của chính phủ Ấn Độ khi tiến hành thử hạt nhân... Điều này trái với nỗ lực mà cộng đồng quốc tế đang đưa ra để ban hành một lệnh cấm toàn diện đối với các thử nghiệm như vậy” [20]. Tổng thống Mỹ B.Clinton trong cuộc thảo luận với Thủ tướng Đức H. Kohl về việc Xây dựng một thế giới an toàn hơn cho thế kỷ 21, ngày 12/5/1998, cho biết: “Tôi lo ngại sâu sắc về các cuộc thử nghiệm hạt nhân mà Ấn Độ đã tiến hành... Hành động này của Ấn Độ không chỉ đe dọa sự ổn định của khu vực mà nó trực tiếp thách thức sự đồng thuận vững chắc của quốc tế nhằm ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tôi công khai kêu gọi Ấn Độ ký Hiệp ước Cấm thử hạt nhân toàn diện ngay lập tức và vô điều kiện” [21, tr.847]. Tổng thống B.Clinton cảnh báo Ấn Độ sẽ không tránh khỏi bị trừng phạt: “Như hầu hết các bạn đã biết, luật pháp của chúng tôi đã có những điều khoản rất nghiêm ngặt mà tôi đã ký vào năm 1994 để đối phó với các cuộc thử nghiệm của các quốc gia phi hạt nhân và tôi dự định thực hiện chúng một cách nghiêm chỉnh” [21, tr.847]. Ông nói thêm rằng lý do an ninh để biện minh cho thử nghiệm là không hợp lý: “Tôi tin rằng chúng (các cuộc thử hạt nhân do Ấn Độ tiến hành) không thể biện minh. Họ rõ ràng tạo ra một sự bất ổn mới nguy hiểm ở khu vực của họ (Nam Á)...” [21, tr.852]. Lo ngại chính mà Mỹ nhận thấy là cuộc thử nghiệm này đã vi phạm CTBT do 149 nước ký kết và NPT đã được 185 nước tham gia, cũng như sẽ tạo ra chạy đua vũ trang ở Nam Á. Bởi lẽ, Pakistan cũng đã phát triển vũ khí hạt nhân.

Cùng quan điểm với B.Clinton, Henry Sokalski, cựu quan chức cấp cao của Lầu Năm Góc, nhận xét: “Với cuộc thử nghiệm này, Ấn Độ vừa tự đào hố chôn mình”. Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ James Rubin cáo buộc chính phủ Ấn Độ đã tiến hành “chiến dịch lừa dối” về ý định hạt nhân của họ trong 20 cuộc gặp cấp cao Mỹ - Ấn [22, tr.63].

Tuy nhiên, bất chấp phản ứng của Mỹ và cộng đồng quốc tế, ngày 13/5/1998, Ấn Độ lại cho thử nghiệm hai thiết bị hạt nhân khác. Ngay sau vụ thử này, Thủ tướng Ấn Độ A.B.Vajpayee đã viết thư cho Tổng thống Mỹ: “Chúng tôi cam kết tham gia vào các biện pháp kiểm soát vũ khí hạt nhân toàn cầu mà không có sự phân biệt đối xử, và điều này có thể được kiểm chứng đầy đủ với việc chúng tôi tuân thủ hai hiệp ước về vũ khí sinh học và hóa học” [19]. Nhưng ngày hôm sau, 14/5/1998, Thủ tướng A.B.Vajpayee tuyên bố: “Ấn Độ bây giờ là một quốc gia có vũ khí hạt nhân”. Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch J.Singh cũng nhấn mạnh: “Hiện nay, Ấn Độ là một quốc gia có vũ khí hạt nhân. Điều này làm tăng thêm ý thức trách nhiệm của chúng ta với tư cách là một quốc gia cam kết tuân theo các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp quốc và thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực. Những nỗ lực để kéo gần hơn với các nước láng giềng của chúng ta” [23, tr.40].

Khi Ấn Độ thử nghiệm lần thứ hai, Mỹ lo ngại rằng các cuộc thử nghiệm ở Ấn Độ đang thúc đẩy thế giới tiến tới phổ biến vũ khí hạt nhân. Bởi lẽ, việc theo đuổi chính sách không phổ biến vũ khí hạt nhân là một trong những mục tiêu quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Trước đó, ngày 3-1-1993, Nga và Mỹ ký Hiệp ước cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược giai đoạn

2 (START-2). Ngày 11-5-1995, hai bên ký tiếp NPT và ngày 24-9-1996 ký CTBT. Như thế về pháp lý, Mỹ cần phải lên án Ấn Độ. Tổng thống B.Clinton đã chỉ trích và gọi vụ thử là một “sai lầm khủng khiếp”, tạo ra “sự bất ổn nguy hiểm” ở Nam Á. Ông cho rằng với truyền thống dân chủ của Ấn Độ, con đường hạt nhân không phải là con đường đi đến “vĩ đại”, hành động của Ấn Độ làm tổn hại cho những nỗ lực của Mỹ nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân. Ngoại trưởng Mỹ, M.Albright nói thêm: “*Vũ khí hạt nhân sẽ không giúp một quốc gia nâng cao sức mạnh và vị thế hạt nhân của mình*” [1, tr.78]. Quốc hội Mỹ cũng bày tỏ sự tức giận với các vụ thử hạt nhân của Ấn Độ. Ngay cả những đại biểu được coi là thân cận với Ấn Độ cũng chỉ trích vụ thử này. Thượng nghị sĩ Jesse Helms, người ủng hộ nhiệt tình cho việc cải thiện quan hệ Ấn-Mỹ cho rằng: “*Ấn Độ đã mắc phải một tính toán sai lầm lớn... Chính phủ Ấn Độ đã tự lừa dối mình với giả định ngớ ngẩn rằng việc sở hữu vũ khí hạt nhân sẽ biến Ấn Độ trở thành siêu cường trong khi hàng trăm triệu người dân Ấn Độ đang trong cảnh nghèo đói*” [24, tr.S4681]. Ông ủng hộ chính phủ cần áp đặt các lệnh trừng phạt đối với Ấn Độ. Thượng nghị sĩ Sam Brownback cho rằng Pokhran-II gây thiệt hại cho quan hệ Ấn Độ-Mỹ: “*Chỉ sau một đêm, mối quan hệ của Hoa Kỳ với Ấn Độ đã thay đổi, theo chiều hướng tồi tệ hơn*” [24, tr.S4682]. Hạ viện Mỹ quyết định rằng với tư cách là nhà lãnh đạo thế giới, Mỹ cần có trách nhiệm trong việc giải quyết vấn đề này, cũng như vấn đề liên quan đến Jammu & Kashmir và việc bình thường hóa quan hệ giữa Ấn Độ và Pakistan [25]. Thượng viện Mỹ vừa lên án gay gắt vừa ủng hộ lệnh trừng phạt, đồng thời kêu gọi “*Chính phủ Pakistan, Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và tất cả các chính phủ kiểm chế nhằm tránh làm trầm trọng thêm cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân ở Nam Á*”, cần có các bước để ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hạt nhân và tên lửa đạn đạo [26, tr.S4877].

Không giống như vụ thử Pokhran-I năm 1974, trong vụ thử Pokhran-II này chính phủ Mỹ có cơ chế pháp lý mạnh mẽ để áp dụng trừng phạt. Đó là Đạo luật chống phổ biến hạt nhân (NPPA) thông qua tháng 6/1994. Ngoài ra còn có Đạo luật Kiểm soát Xuất khẩu Vũ khí (Luật Điều chỉnh của Glenn). Với những cơ sở đó, ngày 13/5/1998, Tổng thống B.Clinton ký Quyết định số 98-22, dựa theo Đạo luật Kiểm soát Xuất khẩu Vũ khí, áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Ấn Độ, bao gồm: 1- Chấm dứt trợ cấp của Mỹ theo Đạo luật Hỗ trợ nước ngoài năm 1961, trừ hỗ trợ nhân đạo về lương thực hoặc các mặt hàng nông nghiệp khác; 2- Chính phủ Mỹ chấm dứt việc mua bán các sản phẩm quốc phòng, dịch vụ quốc phòng, dịch vụ thiết kế & chế tạo và giấy phép xuất khẩu các mặt hàng thuộc danh mục các sản phẩm quân sự của Mỹ; 3- Chấm dứt hỗ trợ quân sự nước ngoài theo Đạo luật Kiểm soát Xuất khẩu Vũ khí; 4- Từ chối bất kỳ khoản tín dụng, bảo lãnh tín dụng hoặc các hỗ trợ tài chính khác của bất kỳ tổ chức, cơ quan nào thuộc Chính phủ Mỹ, ngoại trừ các khoản trợ cấp nhân đạo hoặc giám sát của Quốc hội về các hoạt động tình báo; 5- Phản đối việc gia hạn của bất kỳ khoản vay hoặc viện trợ tài chính hoặc kỹ thuật nào của bất kỳ tổ chức tài chính quốc tế nào (IFI); 6- Cấm bất kỳ ngân hàng nào của Mỹ cho vay hoặc cung cấp tín dụng cho chính phủ Ấn Độ, trừ các khoản tín dụng để mua lương thực hoặc các mặt hàng nông nghiệp khác; 7- Cấm xuất khẩu hàng hoá và công nghệ đặc biệt, không bao gồm lương thực, hàng nông sản hoặc các mặt hàng liên quan đến giám sát của Quốc hội về hoạt động tình báo [12, tr.715]. Mỹ cũng yêu cầu Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) hủy các khoản vay mới đối với Ấn Độ. Ngoài ra, Mỹ từ chối cấp thị thực cho các nhà khoa học Ấn Độ đang tham gia một hội nghị ở Mỹ. Trong lịch sử, Mỹ chưa bao giờ có hành động như vậy: “*Việc từ chối cấp thị thực cho các học giả một cách vội vã... cho thấy rằng Mỹ có thể sẵn sàng hy sinh trao đổi khoa học tự do để thay đổi mục đích chính trị*” [1, tr.76].

Lệnh cấm vận nhận được sự ủng hộ của phần lớn các quan chức Mỹ. Tuy nhiên, một số nhà phân tích chỉ ra rằng sự tức giận của Mỹ nên hướng vào chính Mỹ chứ không phải Ấn Độ. Họ đặt câu hỏi: *Có bao nhiêu quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Mỹ, đã thông báo trước cho các quốc gia khác về chương trình vũ khí hạt nhân tương ứng của họ?* [1, tr.160]. Một số khác cho rằng chính quyền không quá cần thiết phải làm như vậy. Chủ tịch Hạ viện N.Gingrich ngày 13/5 nhận xét: “*Tôi nghĩ rằng đó là quan điểm một phía của chính quyền này, và nếu ông ta sẽ áp dụng [chế tài]... ông ta nên áp dụng cho Trung Quốc nhiều hơn là ông ta áp dụng cho Ấn Độ... Tôi không*

biết những gì đang xảy ra... phản ứng của Ấn Độ sẽ như thế nào đối với chính quyền của Tổng thống B.Clinton bán công nghệ tên lửa cho Trung Quốc... Tôi rất ngạc nhiên về lập trường một phía của B.Clinton, sự thiên vị chống lại Ấn Độ và sự sẵn lòng bỏ qua bất cứ điều gì với Trung Quốc... Và tôi nghĩ rằng đã có một phản ứng thái quá của B.Clinton” [13, tr.159]. Thượng nghị sĩ C.Mack phát biểu tại Thượng viện rằng “một chính sách đối ngoại thiếu nguyên tắc đã dẫn chúng ta đến chỗ chúng ta đang khen thưởng những kẻ độc tài và trừng phạt các nền dân chủ” [13, tr.159]. Patrick Buchanon, đối thủ chính trị của Tổng thống B.Clinton nhận xét: “Trước khi chỉ trích New Delhi, chúng ta nên đặt mình vào vị trí của Ấn Độ. Nếu Mỹ có một Trung Quốc được trang bị vũ khí hạt nhân ở phía Bắc, nơi đang cung cấp công nghệ hạt nhân và tên lửa cho một Mexico có đầu óc trả thù, liệu chúng ta có làm theo lời khuyên của một kẻ bạn rợn ở xa nào đó đang yêu cầu chúng ta mãi mãi từ chối khả năng răn đe hạt nhân của mình hay không” [1, tr.73].

Chúng tôi cho rằng những yếu tố sau chính là nguyên nhân Mỹ phản đối gay gắt vụ thử hạt nhân của Ấn Độ: Thứ nhất, việc hạt nhân hóa của Ấn Độ sẽ gây nguy hiểm cho chế độ không phổ biến vũ khí hạt nhân toàn cầu – một chính sách mà Mỹ đang nỗ lực thực hiện để bảo vệ sự độc quyền hạt nhân của mình. Thứ hai, việc thử nghiệm hạt nhân của Ấn Độ có thể tạo ra một cuộc chạy đua vũ trang và khuyến khích chuyển giao công nghệ vũ khí hạt nhân. Thứ ba, các vụ thử của Ấn Độ sẽ làm xáo trộn nghiêm trọng sự ổn định ở Nam Á, Pakistan sẽ cố gắng chạy đua ngang bằng về hạt nhân với Ấn Độ, do đó sự cân bằng an ninh vốn đã bấp bênh ở Nam Á sẽ còn bị đe dọa. Thứ tư, bằng cách công khai có vũ khí hạt nhân, Ấn Độ có vẻ như khiêu khích lệnh trừng phạt từ Mỹ cho nên chính quyền Mỹ phải áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Ấn Độ.

Việc áp đặt các biện pháp trừng phạt nhanh chóng làm dấy lên làn sóng phản đối ở Ấn Độ. Chính phủ Ấn Độ tuyên bố việc thử hạt nhân là đúng đắn và có thể duy trì áp lực trước các lệnh trừng phạt của Mỹ. Thủ tướng A.B. Vajpayee nói: “Chúng ta đang sống trong một thế giới nơi Ấn Độ bị bao quanh bởi vũ khí hạt nhân. Không một chính phủ có trách nhiệm nào có thể xây dựng chính sách an ninh cho đất nước dựa trên những nguyên tắc mơ hồ” [9, tr.194]. Với các lệnh trừng phạt do Mỹ áp đặt, Thủ tướng A.B. Vajpayee cho rằng không ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia. Ông nói thêm: “Ý định của chúng tôi đã, đang và sẽ luôn hòa bình. Nhưng chúng tôi không muốn che đậy hành động của mình bằng một tấm màn mơ hồ không cần thiết. Ấn Độ hiện là một quốc gia có vũ khí hạt nhân. Nhưng quả bom của Ấn Độ sẽ không bao giờ là vũ khí xâm lược” [9, tr.194].

Chúng tôi cho rằng có bốn yếu tố để Ấn Độ tự tin đối phó với chính sách của Mỹ. Thứ nhất, kinh tế Ấn Độ có tốc độ phát triển nhanh kể từ sau cải cách năm 1991 nên có thể chịu được tác động của lệnh trừng phạt. Thứ hai, những thành tựu đạt được từ đối thoại Ấn Độ - Mỹ kể từ giữa những năm 80 là thành quả giá trị để một trong hai bên khó có thể từ bỏ. Thứ ba, những thay đổi trong quan hệ Ấn Độ với các nước khác đã mở ra triển vọng mới cho trạng thái cân bằng đa cực, làm tăng lựa chọn của Ấn Độ. Thứ tư, với vụ thử hạt nhân, Ấn Độ đã chứng minh họ không cần hỗ trợ từ bên ngoài để đạt được mục tiêu, cho nên các biện pháp trừng phạt ít có tác dụng với Ấn Độ.

Trên thực tế, ảnh hưởng đối với kinh tế Ấn Độ từ cấm vận thương mại trực tiếp là rất nhỏ. Các chủ doanh nghiệp, ngân hàng và trang trại của Mỹ cũng gây áp lực lên chính quyền B.Clinton yêu cầu cho phép họ tiếp tục hoạt động kinh doanh ở Ấn Độ. Tác động đáng kể cho Ấn Độ là việc hạn chế nguồn vốn vay của Mỹ và các tổ chức tài chính quốc tế. Ngoài ra, do Mỹ ngừng hợp tác quân sự với Ấn Độ nên Chương trình máy bay chiến đấu của Ấn Độ (LCA) bị trì hoãn.

Với những diễn biến này, “giọng điệu gay gắt” lên án vụ thử hạt nhân của Ấn Độ đã giảm xuống mức đáng kể. Mọi quan tâm của Mỹ dần chuyển hướng về việc thuyết phục Pakistan không chạy đua thử nghiệm hạt nhân và kêu gọi Ấn Độ gia nhập CTBT.

### 3.2. Phản ứng của Mỹ đối với vụ thử hạt nhân của Pakistan năm 1998

Các cuộc thử nghiệm hạt nhân của Ấn Độ đã cảnh báo Pakistan và Islamabad gọi cuộc phiêu lưu hạt nhân của Ấn Độ là “liều lĩnh và mang tính khiêu khích cao”. Một ngày sau vụ thử nghiệm đầu tiên của Ấn Độ, Hamid Gul, cựu Giám đốc cơ quan mật vụ Pakistan, cho biết: “Bây giờ chúng tôi phải chứng minh rằng chúng tôi có một quả bom hạt nhân” [27]. Cựu Thủ tướng

Pakistan B.Bhutto cho rằng: *“Nếu chúng ta không làm vậy, Ấn Độ sẽ tiếp tục áp dụng những kế hoạch hung hãn đối với chúng tôi”* [27]. Sau vụ thử thứ hai của Ấn Độ, Thủ tướng Pakistan N.Sharif tỏ ra thận trọng, từ chối cho biết liệu có thử nghiệm để đáp trả hay không: *“Chúng tôi đang theo dõi tình hình và chúng tôi sẽ có hành động thích hợp liên quan đến an ninh của chúng tôi”* [27]. Ngày 13/5/1998, Thủ tướng Sharif đã có cuộc họp với các quan chức quân sự và các thành viên cấp cao trong chính phủ về hành động của Ấn Độ. Các bộ trưởng cho rằng đây là thời điểm lý tưởng để Pakistan thử nghiệm hạt nhân [16, tr.179]. Tuy nhiên, Thủ tướng N.Sharif phản ứng “ôn hòa” và yêu cầu báo cáo về tổn thất mà Pakistan có thể sẽ phải gánh chịu nếu bị trừng phạt khi thử hạt nhân.

Ngay trong ngày 13/5/1998, Tổng thống B.Clinton gọi điện cho Thủ tướng N.Sharif để thể hiện mối lo ngại và kêu gọi Pakistan không tiến hành thử nghiệm đáp trả. Trợ lý Ngoại trưởng Karl F. Inderfurth cho biết: *“Tổng thống (Bill) Clinton đã điện đàm với Thủ tướng (Nawaz) Sharif năm lần, thừa nhận rằng Pakistan sẽ chịu áp lực rất lớn trong việc thử nghiệm, nhưng lợi ích của Pakistan sẽ tốt hơn nếu không làm như vậy”* [17, tr.85]. Thủ tướng N.Sharif trả lời rằng ông chưa đưa ra quyết định nhưng đang chịu áp lực chính trị rất lớn ở trong nước để cần phải chứng tỏ rằng Pakistan có thể sánh ngang với Ấn Độ. Ông tuyên bố: *“Việc giải quyết mối quan ngại an ninh chính đáng của Pakistan là tùy thuộc vào cộng đồng quốc tế sau các vụ thử hạt nhân của Ấn Độ”* [28]. Như vậy, Pakistan ngầm bác bỏ yêu cầu của Mỹ nhưng đảm bảo rằng sẽ không hành động vội vàng. Ngoại trưởng S.Ahmad cho biết: *“Vấn đề là khi nào chứ không phải liệu Pakistan có thử nghiệm hay không”* [27]. Trên thực tế, Pakistan muốn cộng đồng thế giới và Mỹ cần có hình phạt khắc nghiệt nhất đối với Ấn Độ. Tuy nhiên, G-8 mới chỉ dừng lại chỉ trích Ấn Độ và nhất trí phản đối cho vay tại các tổ chức quốc tế. Islamabad cho rằng điều đó là không thỏa đáng.

Tuy vậy, Tổng thống B.Clinton vẫn hi vọng: *“Thủ tướng và Chính phủ Pakistan sẽ không tiến hành một vụ thử hạt nhân. Và tôi tin rằng chúng ta có thể làm việc với họ theo cách đáp ứng được nhu cầu an ninh của họ mà không cần thử nghiệm”* [29]. Với hy vọng đó, ngày 15/5/1998, Tổng thống Mỹ đã phái Thứ trưởng Ngoại giao S. Talbott tới Islamabad. Tại đây, Mỹ đã hứa hẹn về những lợi ích cho Pakistan để thuyết phục nước này không thử hạt nhân như: bãi bỏ Đạo luật sửa đổi Pressler về cấm bán vũ khí cho Pakistan (Đạo luật được Mỹ đưa ra năm 1985); chuyển giao máy bay chiến đấu F-16 trị giá 600 triệu USD mà Pakistan đã đặt hàng và trả tiền nhưng chưa nhận được; cung cấp thêm các khoản viện trợ cho Pakistan. Đồng thời Mỹ cũng cảnh báo nếu Pakistan thử hạt nhân sẽ áp đặt lệnh cấm vận như Ấn Độ. Tuy nhiên, chính phủ Pakistan lúc này đang phải đối mặt với áp lực quốc tế và trong nước. Không chỉ các đảng đối lập mà Liên đoàn Hồi giáo Pakistan của Thủ tướng N. Sharif cũng kêu gọi Pakistan phải sánh ngang với Ấn Độ. Vì thế, phía Pakistan đưa ra yêu cầu nếu không thử hạt nhân, Islamabad cần sự đảm bảo an ninh của Mỹ để chống lại Ấn Độ. Phía Mỹ cho rằng không thể thực hiện đảm bảo này nhưng sẽ dỡ bỏ luật ngăn chặn viện trợ và cung cấp cho Pakistan những công cụ cần thiết để bảo vệ đất nước. Cuộc thảo luận giữa Mỹ và Pakistan đã không thu được kết quả đáng kể nào.

Trong bối cảnh đó, ngày 28/5/1998, Pakistan đã tiến hành thử 5 thiết bị hạt nhân và vụ thử thứ sáu diễn ra hai ngày sau đó [27]. Thủ tướng N.Sharif tuyên bố, *“hôm nay chúng ta đã giải quyết được vấn đề,... chúng ta đã bị ép buộc bởi hành động liều lĩnh của giới lãnh đạo Ấn Độ hiện tại”* [30], và nói thêm rằng lệnh trừng phạt của quốc tế đối với Pakistan sẽ là phi lý [30].

Đối với Mỹ, vụ thử hạt nhân của Pakistan là sự thất vọng lớn vì Islamabad phớt lờ lời khẩn thiết của Tổng thống B.Clinton. Mối quan hệ Mỹ - Pakistan vốn hứa hẹn sẽ gia tăng do hành động của New Delhi, đã xuống mức thấp nhất với phản ứng tương ứng của Pakistan. Tổng thống B.Clinton nhận xét: *“Do không kiểm chế trước cuộc thử nghiệm của Ấn Độ, Pakistan đã đánh mất một cơ hội vô giá để củng cố an ninh của chính mình, cải thiện vị thế chính trị của mình trong mắt thế giới”* [17, tr.339]. Thư ký báo chí Nhà Trắng Mike McCuney phát biểu vào ngày 28/5/1998: *“Tôi nghĩ sẽ chính xác khi nói rằng Thủ tướng [Pakistan] rõ ràng đã phải đấu tranh với những gì ông ấy gặp phải, một quyết định rất khó khăn. Ông ấy biết cái giá phải trả, ông ấy hiểu chính xác quan điểm của Tổng thống [Mỹ]... Nói ngắn gọn, ông ấy có vẻ như đang rất đau đớn trước một quyết định rất*

khó khăn” [17, tr.340]. Mike McCuney cũng trấn an Pakistan khi nói rằng Tổng thống B.Clinton vẫn tức giận với Ấn Độ hơn vì, “*Thủ tướng N. Sharif đã trung thực và thẳng thắn khi mô tả quyết định mà ông ấy đang phải đấu tranh, nhưng Ấn Độ rõ ràng là không như vậy*” [17, tr.340].

Chính quyền B.Clinton đã áp đặt biện pháp trừng phạt đối với Pakistan theo Đạo Luật chống Phổ biến Hạt nhân. Mỹ không chỉ cắt viện trợ kinh tế mà còn ngăn các khoản vay của Pakistan tại WB, IMF, Ngân hàng phát triển châu Á. Ngay lập tức, Pakistan đã ban bố tình trạng khẩn cấp. Trước tình hình đó, Mỹ đã có động thái giảm bớt các biện pháp trừng phạt khi Quốc hội thông qua miễn trừ trừng phạt tín dụng nông nghiệp. Thực tế là Mỹ muốn bảo vệ lợi ích thương mại của mình ở Pakistan, bởi lẽ các biện pháp trừng phạt đã gây tổn hại cho các chủ trang trại Mỹ [10, tr.7].

Mặc dù cả Ấn Độ và Pakistan đều đã thử hạt nhân nhưng Thư ký báo chí Nhà Trắng Mike McCuney cho rằng động cơ hai nước khác nhau nên “*cần có sự khác biệt trong cách đối xử của Mỹ với hai chính phủ này liên quan đến cuộc thử nghiệm này*” [31]. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ J. Rubin cũng thể hiện là một người thân Pakistan khi nói rằng: “*Ấn Độ không thể biện minh cho cuộc thử nghiệm của mình dựa trên cơ sở cáo buộc là có sự hợp tác giữa Bắc Kinh và Islamabad. Đúng hơn, chính vụ thử của Ấn Độ đã buộc Pakistan phải đáp trả*” [17, tr.342]. Một động thái cho thấy thái độ Mỹ nghiêng về đồng minh Pakistan.

Như vậy, nhìn vào diễn biến này, có thể thấy Mỹ đang ngầm bảo vệ, “tìm có bả chữa” cho quyết định thử hạt nhân của Pakistan. Với Ấn Độ, các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc đã được áp đặt không do dự. Nhưng với Pakistan, ngay cả khi Islamabad phớt lờ lời yêu cầu liên tục của Tổng thống B.Clinton, thì thái độ của Mỹ đối với Pakistan vẫn mềm mỏng.

### **3.3. Quan điểm chính sách của Mỹ với Ấn Độ và Pakistan từ tháng 5/1998 đến khủng hoảng Kargil năm 1999**

Những cuộc thử nghiệm hạt nhân của Ấn Độ và Pakistan đã làm lung lay kế hoạch chiến lược của Mỹ và thách thức sự độc quyền của Câu lạc bộ hạt nhân do Mỹ lãnh đạo. Nước Mỹ nhận thấy những căng thẳng giữa Ấn Độ và Pakistan có thể dẫn đến cuộc chiến tranh hạt nhân và gây bất ổn ở Nam Á như Tổng thống B. Clinton đã gọi khu vực này là “*nơi nguy hiểm nhất trên thế giới*” [2, tr.84]. Vì thế, Mỹ đã có những hành động thể hiện vị thế “lãnh đạo” của mình. Mặc dù Pháp và Nga có thiện cảm với Ấn Độ nhưng họ không thể cản trở Mỹ tạo ra khuôn khổ quốc tế gây áp lực với Ấn Độ và Pakistan. Ngày 6/6/1998, Hội đồng Bảo an thông qua Nghị quyết 1172 do Mỹ bảo trợ, yêu cầu hai nước ký kết NPT và giải quyết vấn đề Kashmir. Với vai trò của Mỹ, ngày 12/6/1998, các nước G-8 họp ở Birmingham đã quyết định đình chỉ mọi khoản vay đối với Ấn Độ và Pakistan, lên án vụ thử hạt nhân của hai nước, kêu gọi các nước này kí NPT và CTBT.

Việc Mỹ quyết liệt cấm vận Ấn Độ và Pakistan là do: Thứ nhất, Mỹ là thành viên ký kết các hiệp ước về không phổ biến hạt nhân. Do đó Mỹ phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ pháp lý đã cam kết của mình. Thứ hai, vấn đề cốt lõi, Mỹ muốn bảo vệ câu lạc bộ hạt nhân độc quyền và đặc quyền. Mỹ muốn thông qua lập trường không phổ biến vũ khí hạt nhân để duy trì kho vũ khí hạt nhân của chính mình. Thứ ba, Mỹ lo ngại các quốc gia muốn có vũ khí hạt nhân sẽ thù địch với Mỹ cũng như dẫn đến một cuộc chạy đua vũ trang mới ở châu Á. Bởi lẽ một số nước có tham vọng vào câu lạc bộ hạt nhân lại là những nước không thân thiện với Mỹ. Nếu Ấn Độ, Pakistan có sức mạnh hạt nhân có thể sẽ tác động đến các nước đang thuộc “ngưỡng hạt nhân” khác. Họ sẽ tìm cách để vượt qua ngưỡng hạt nhân, đặc biệt là Israel, Iran, Iraq, Libya, Triều Tiên, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh của Mỹ cũng như tham vọng lãnh đạo thế giới của Washington.

Để tìm kiếm một giải pháp chính trị cho vấn đề hạt nhân căng thẳng tại Nam Á, từ ngày 12/6/1998, một loạt cuộc đàm phán ngoại giao giữa Mỹ và Ấn Độ đã bắt đầu với sự tham gia của Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Strobe Talbott và Phó Chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Ấn Độ Jaswant Singh. Strobe Talbott nhấn mạnh rằng Ấn Độ cần thực hiện 5 yêu cầu trong Nghị quyết 1172, đó là: ký CTBT, ngưng hoạt động sản xuất vật liệu phân hạch và nỗ lực hướng tới Hiệp ước cắt giảm vật liệu phân hạch, không phát triển tên lửa mới, kiểm soát xuất khẩu hàng hóa và công nghệ nhạy cảm, giảm căng thẳng với Pakistan về Kashmir. Đáp lại, Jaswant Singh cũng nhấn mạnh rằng ông không

đàm phán để tìm ra một sự “thỏa hiệp” mà có thể hạ thấp Ấn Độ [15]. Rõ ràng Mỹ đang tìm kiếm những ràng buộc về mặt pháp lý để hạn chế chương trình hạt nhân của Ấn Độ - Mục tiêu quan trọng trong chiến lược ở Nam Á của Mỹ. Phía Ấn Độ cho rằng họ muốn Mỹ thừa nhận về mặt chính trị khả năng vũ khí hạt nhân của mình và dỡ bỏ mọi biện pháp trừng phạt chống lại Ấn Độ, bao gồm cả lệnh trừng phạt áp đặt sau vụ thử hạt nhân năm 1974 [32]. Mặc dù không đạt được bước tiến quan trọng nhưng các cuộc thảo luận đã dẫn tới sự thay đổi trong cách tiếp cận của Mỹ về vấn đề hạt nhân ở Nam Á. Quan điểm trước đây của Mỹ là “giới hạn, giảm bớt và hủy bỏ” chương trình hạt nhân của hai nước thì nay đã thay đổi, thành việc thúc giục Ấn Độ và Pakistan duy trì lực lượng hạt nhân của họ ở trạng thái không triển khai và ở mức thấp nhất có thể [3, tr.120].

Tuy nhiên, Mỹ không sẵn sàng từ bỏ sự phản đối chính trị đối với chương trình vũ khí hạt nhân của Ấn Độ cũng như không hợp pháp hóa chương trình này bằng cách chấp nhận thực tế mới. Ngày 21/6/1998, Ấn Độ và Nga kí một thỏa thuận bổ sung để xây dựng hai lò phản ứng hạt nhân nước nhẹ 1.000 MW tại Kudankulam (Tamil Nadu). Ngày 22/6/1998, phát ngôn viên của Bộ Ngoại giao Mỹ James P. Rubin nói rằng bất chấp quyết định của Nga, các biện pháp trừng phạt của Mỹ đang có hiệu quả đối với nền kinh tế và vị thế quốc tế của Ấn Độ và Pakistan [33, tr.25].

Nhưng để đổi lấy việc Ấn Độ chấp nhận các giới hạn đối với chương trình hạt nhân, Mỹ cũng đã quan tâm đến một số vấn đề và áp dụng “chiến lược can dự” thay vì “cô lập”. Một số quan chức, trong đó có cựu Đại sứ Mỹ tại Ấn Độ Frank Wisner, thậm chí còn nhấn mạnh sự cần thiết phải hợp tác với Ấn Độ bất chấp các vụ thử hạt nhân của Ấn Độ bởi Ấn Độ đang nổi lên như một thế lực lớn ở châu Á và là một điểm đến của lượng đầu tư và thương mại lớn [34]. Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ K. F. Inderfurth ngày 13/7/1998 trình bày trước Thượng viện về sự cần thiết phải làm cho lệnh trừng phạt trở nên “linh hoạt hơn” với “việc thực thi luật mới sẽ phụ thuộc vào việc Ấn Độ và Pakistan thay đổi cách thức của họ” [13, tr.65]. Ngày 14/7/1998, Hạ viện đã bỏ phiếu dỡ bỏ một số lệnh trừng phạt liên quan đến tín dụng nông nghiệp. Ngày 21/10/1998, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật cứu trợ Ấn Độ-Pakistan, trao cho Tổng thống Mỹ quyền bãi bỏ một phần các biện pháp trừng phạt. Quyền miễn trừ được áp dụng đến ngày 21/10/1999.

Đến cuộc khủng hoảng Kargil đã cho thấy một sự thay đổi trong cách thức mà Mỹ can dự vào Nam Á. Tháng 5/1999, quân đội Pakistan tiến vào vùng Kashmir bên phía Ấn Độ, vượt qua Đường kiểm soát (LoC). Ấn Độ không kỳ vọng vào bất kỳ sự hỗ trợ chính trị nào từ phía Mỹ. Nhưng, Mỹ đã đóng vai trò quan trọng khi yêu cầu Pakistan rút quân khỏi Kargil (Kashmir) thuộc Ấn Độ cũng như ngăn chặn một cuộc xung đột hạt nhân giữa hai nước. Nhân viên Nhà Trắng B. Riedel tiết lộ rằng Tổng thống B.Clinton đã gây áp lực buộc Pakistan phải lùi bước trong bối cảnh quân đội Pakistan đã sẵn sàng triển khai tên lửa hạt nhân [35]. Đây là lần đầu tiên Mỹ ủng hộ Ấn Độ trong xung đột với Pakistan. Chúng tôi cho rằng, lý do chính cho hành động này là Mỹ đã nhìn thấy vị thế chiến lược của Ấn Độ cũng như phát triển các mối song phương với Ấn Độ trong Ủy ban hỗn hợp chống khủng bố. Hơn nữa, sau vụ khủng bố vào Đại sứ quán Mỹ ở Nairobi, Kenya và Daressalam, Tanzania (tháng 8/1998), các cơ quan tình báo Mỹ kết luận rằng các cuộc tấn công được thực hiện bởi Osama Bin Laden dưới sự bảo trợ của Taliban. Chính quyền B.Clinton cũng đã hình dung ra vai trò có thể có của Pakistan trong mối liên hệ với Taliban.

Tiến thêm một bước nữa, ngày 21/10/1999, Mỹ đã bãi bỏ các hạn chế áp dụng cho các chương trình và giao dịch thương mại của Mỹ với Ấn Độ [36]. Cũng trong tháng 10/1999, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật phân bổ quốc phòng năm 2000, trong đó trao quyền miễn trừ nhất định cho Tổng thống nhằm dỡ bỏ biện pháp trừng phạt với Ấn Độ và Pakistan. Ngày 27/10/1999, Tổng thống B.Clinton đã thực hiện quyền miễn trừ này. Với những động thái đó đã mở ra một chương mới trong chính sách của Mỹ tại Nam Á, và cũng là cơ sở để Tổng thống B.Clinton đến thăm Ấn Độ (tháng 3/2000), hơn hai thập kỷ sau chuyến thăm cuối cùng của một tổng thống Mỹ đến Ấn Độ.

#### 4. Kết luận

Chiến tranh Lạnh đã kết thúc, hòa bình thế giới có điều kiện được củng cố, nhưng thế giới lại bước vào một thời kỳ thiếu ổn định khi nguy cơ phổ biến vũ khí hạt nhân ngày càng hiện hữu.

Tháng 5/1998, Ấn Độ đã tiến hành 5 vụ nổ hạt nhân dưới lòng đất, phá vỡ lệnh cấm 24 năm áp đặt. Bất chấp những lời khuyên, nỗ lực can ngăn của Mỹ, Pakistan đã nhanh chóng thử nghiệm.

Chính quyền Mỹ coi việc hạt nhân hóa ở Nam Á là một thách thức trực tiếp phá vỡ những cố gắng của Mỹ trong việc ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, đe dọa uy quyền tối cao của Mỹ trong một thế giới đơn cực thời hậu Chiến tranh Lạnh, phá vỡ thế cân bằng vốn mỏng manh ở Nam Á và làm cho an ninh khu vực này khó kiểm soát. Điều quan trọng là sự gia tăng về số lượng các cường quốc hạt nhân trên thế giới không phải là lợi ích quốc gia của Mỹ. Vì thế, sau các cuộc thử nghiệm, Mỹ đã trừng phạt Ấn Độ và Pakistan. Song, với những thay đổi của tình hình thế giới, dựa trên lợi ích địa kinh tế, địa chiến lược và địa chính trị tại Nam Á, cùng với chiến lược “cam kết và mở rộng”, Mỹ đã thúc đẩy đối thoại và từng bước gỡ bỏ trừng phạt với Ấn Độ và Pakistan. Nhìn nhận một cách khách quan, chính sách với cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Nam Á của Mỹ là thúc đẩy và phục vụ cho lợi ích của Mỹ, lập lại trật tự, củng cố quyền lợi ở Nam Á nhưng cũng đã góp phần củng cố chế độ không phổ biến vũ khí hạt nhân, ngăn chặn sự leo thang chạy đua vũ trang hạt nhân tại Nam Á, đồng thời thúc đẩy đối thoại giữa Ấn Độ và Pakistan.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. Sheth, *Past Pokharn Nuclear Politics*. Jaipur: Rawat Publication, 1999.
- [2] S. P. Kapur, “Nuclear Proliferation, the Kargil Conflict, and South Asian, Security,” *Security Studies*, vol. 13, no. 1, pp. 79-105, 2003.
- [3] T. Strobe, “Dealing with the Bomb in South Asia,” *Foreign Affairs*, vol. 78, no. 2, pp. 110-122, 1999.
- [4] G. Sumit and K. L. Biringer, “Nuclear Crisis Stability in South Asia,” *Asian Survey*, vol. 41, no. 6, pp. 907-24, 2001.
- [5] G. Sumit and H. Wagner, “India and Pakistan: Bargaining in the Shadow of Nuclear Weapons,” *The Journal of Strategic Studies*, vol. 27, no. 3, pp. 479-507, 2004.
- [6] S. P. Kapur, “India and Pakistan's Unstable Peace: Why Nuclear South Asia is Not Like Cold War Europe,” *International Security*, vol. 30, no. 2, pp. 127-152, 2005.
- [7] G. Balachandran and C. V. Sastry, “India–Pakistan Arms Race in Fissile Materials Production?” *Strategic Analysis*, vol. 35, no. 4, pp. 569-575, 2011.
- [8] G. Balachandran, “Nuclear Arms Race in South Asia? – An Analysis,” *Strategic Analysis*, vol. 42, no. 3, pp. 281-292, 2018.
- [9] V. Khanna and L. Kumar, *Foreign Policy of India, 7/e*. New Delhi: Vikas Publication House, 2018.
- [10] R. M. Hathaway, “Confrontation and Retreat: The U.S. Congress and the South Asian Nuclear Tests,” *Arms Control Today*, vol. 30, no.1, pp. 37-42, 2000.
- [11] C. U. Bhaskar, “Clinton’s Visit and the Nuclear Narrative,” *Strategic Analysis (New Delhi)*, vol. 24, no. 2, pp. 207-219, 2000.
- [12] C. Mahapatra, “Pokhran-II and after: Dark Clouds over Indo-US Relations,” *Strategic Analysis*, vol. 22, no. 5, pp. 711-720, 1998.
- [13] C. Mahapatra, *Indo-US Relations into the 21st Century*. New Delhi: Knowledge World, 1998.
- [14] C. Mahapatra, “CTBT the US and India,” *International Studies*, vol. 37, no. 4, pp. 339-349, 2000.
- [15] S. Talbott, *Engaging India: Diplomacy, Democracy and the Bomb*. New Delhi: Penguin Books India, 2004.
- [16] S. Ahmed, “Pakistan’s Nuclear Weapons Program: Turning Points and Nuclear Choices,” *International Security*, vol. 23, no. 4, pp. 178-204, 1999.
- [17] D. Kux, *The United States-Pakistan Disenchanted Allies 1947-2000*. Oxford University Press, 2001.
- [18] Ministry of External Affairs (India), “Official Press Statements,” May 11, 1998. [Online]. Available: <http://www.indiagov.org/news/menu.htm>. [Accessed Mar. 22, 2024].
- [19] Rediff, “The text of the letter Prime Minister A.B. Vajpayee sent on Monday to US President Bill Clinton and other world leaders,” May 13, 1998. [Online]. Available: <http://www.rediff.com/news/1998/may/13bomb2.htm>. [Accessed Mar. 22, 2024].
- [20] CBSNews, “India Flexes Nuclear Muscle,” May 11, 1998. [Online]. Available: <https://www.cbsnews.com/news/india-flexes-nuclear-muscle>. [Accessed Mar. 28, 2024].
- [21] Government Printing Office (USA), “The US President's Remarks on the International Crime Control Strategy on 12 May 1998,” *Weekly compilation of Presidential Documents*, vol. 34, no. 22, pp. 847-855, June 1998.

- [22] P. M. Kamath, *India's Policy of No First Use of Nuclear Weapons: Relevance to Peace and Security in South Asia*. New Delhi: Anamika Publishers, 2009.
- [23] Library Ministry of External Affairs, Government of India, "Press Statement of Shri Jaswant Singh, Deputy Chairman of Planning Commission on May 18, 1998," *Foreign Affairs Record*, vol. XLIV, no. 5, pp. 39-40, May 1998.
- [24] Library of Congress, "Congressional Record," *Washington, D.C.*, vol. 144, no. 59, May 12, 1998. [Online]. Available: <https://www.congress.gov/105/crec/1998/05/12/144/59/CREC-1998-05-12.pdf>. [Accessed Mar. 28, 2024].
- [25] Library of Congress, "Senate Resolution 227-Expressing the Sense of the Senate regarding the 11 May 1998 Indian Nuclear Tests," *Congressional Record*, May 12, 1998. [Online]. Available: <http://www.fas.org/spp/starwars/congressI1998/s980511-india11.htm>. [Accessed Mar. 20, 2024].
- [26] Library of Congress, "National Defense Authorization Act for Fiscal Year 1999," *Congressional Record*, May 14, 1998. [Online]. Available: <http://www.globalsecurity.org/wmdlibrary/congress>. [Accessed Mar. 20, 2024].
- [27] The Nuclear Weapon Archive: A Guide to Nuclear Weapons, "India's Nuclear Weapons Program: Operation Shakti: 1998," May 13, 1998. [Online]. Available: <https://nuclearweaponarchive.org/India/IndiaShakti.html>. [Accessed Mar. 20, 2024].
- [28] S. Kinzer, "Next Door Neighbour Demands World Power to Shun India," *The New York Times*, May 14, 1998. [Online]. Available: <https://www.nytimes.com/1998/05/14/world/nuclear-anxiety-pakistan-next-door-neighbor-demands-that-world-powers-shun-india.html>. [Accessed Mar. 21, 2024].
- [29] D. Balz, "US Urges Pakistan to Forgo Test," *The Washington Post*, May 17, 1998. [Online]. Available: <https://www.washingtonpost.com/archive/politics/1998/05/18/us-urges-pakistan-to-forgo-tests/e3110a9b-f49f-422c-8f97-16d4a6044f1c/>. [Accessed Mar. 24, 2024].
- [30] J. W. Anderson and K. Khan, "Pakistan Sets of Nuclear Blasts, Today, We have settled a score, Premier Says," *The Washington Post*, May 29, 1998. [Online]. Available: <https://www.washingtonpost.com/archive/politics/1998/05/29/pakistan-sets-off-nuclear-blasts/be94cba3-7ffc-4ecc-9f67-ac6ddfe2a94c>. [Accessed Mar. 19, 2024].
- [31] J. F. Bums, "Pakistan Answering India, Carries Out Nuclear Tests; Clinton's Appeal Rejected," *New York Times*, May 29, 1998. [Online]. Available: <https://www.nytimes.com/1998/05/29/world/nuclear-anxiety-overview-pakistan-answering-india-carries-nuclear-tests-clinton.html>. [Accessed Mar. 12, 2024].
- [32] United States Information Agency, "8th Round of US-India, US-Pakistan Talks on Security, Nonproliferation Draws Praise, Criticism from South Asian Media," *Office of Research and Media Reaction, Daily Digest*, February 11, 1999. [Online]. Available: <http://www.fas.org/news/india/1999/www9f11.htm#SA>. [Accessed Mar. 12, 2024].
- [33] H. Diamond, "Russia, India Move Forward With Deals on Arms, Nuclear Power," *Arms Control Today*, vol. 28, no. 5, p. 25, 1998.
- [34] The Tribune, New Delhi, "Accept India's Status in Asia: Wisner," May 27, 1999. [Online]. Available: <http://www.tribuneindia.com/1999/99may27/world.htm>. [Accessed Mar. 12, 2024].
- [35] R. Bruce, "American Diplomacy and the 1999 Kargil Summit at Blair House," Centre for the Advanced Study of India, Policy Paper Series, 2002. [Online]. Available: <http://www.ccc.nps.navy.mii>. [Accessed Mar. 12, 2024].
- [36] G. Jeanne, "Nuclear Sanctions: Section 102(b) of the Arms Export Control Act and Its Application to India and Pakistan," Congressional Research Service (CRS) report 98-486 A, 2001. [Online]. Available: <http://digital.library.unt.edu/govdocs/crs/permalinkmeta-crs-1000:1>. [Accessed Mar. 12, 2024].